

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN SÂU MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC LỚP 10
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN SÂU MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC LỚP 10
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN**

I. MỤC ĐÍCH

Tài liệu hướng dẫn nội dung dạy học môn tiếng Trung Quốc lớp 10 ở các trường THPT chuyên nhằm mục đích:

- Thống nhất trên phạm vi cả nước kế hoạch và nội dung dạy học môn tiếng Trung Quốc lớp 10 (hiện nay cả nước có 05 trường THPT chuyên).

- Thống nhất trên phạm vi cả nước nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THPT.

Các trường chuyên cần nắm vững những vấn đề nêu trên để thống nhất chỉ đạo và thực hiện nội dung dạy học, nhiệm vụ dạy học môn tiếng Trung Quốc, nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi ở các trường THPT chuyên từ năm học 2006 – 2007.

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Phân bố thời gian

- Học kì 1: 18 tuần lễ x 6 tiết/ tuần = 108 tiết/ tuần

- Học kì 2: 17 tuần lễ x 6 tiết/ tuần = 102 tiết / tuần

2. **Tổng số tiết:** 210 tiết/ năm học (6 tiết/ tuần x 35 tuần), trong đó, 140 tiết/ năm học dành cho dạy học nội dung nâng cao, 70 tiết/ năm học dành cho dạy học nội dung chuyên sâu.

3. **Đối tượng dạy học:** Học sinh lớp 10 chuyên ngữ đã đạt trình độ hoặc tương đương trình độ THCS tiếng Trung Quốc.

III. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung giảng dạy chủ yếu xoay quanh những chủ đề thông dụng đã được cung cấp trong chương trình của SGK đại trà, trên cơ sở đó đi sâu và phát triển để tăng cường thêm cho đối tượng học sinh chuyên ngữ vốn hiểu biết phong phú, toàn diện cả về tri thức ngôn ngữ lẫn tri thức về cuộc sống, lịch sử, văn hoá, xã hội của đất nước Trung Quốc.

Nội dung trọng điểm cần chú ý đối với đối tượng học sinh chuyên ngữ là chú trọng các bài tập rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp chủ động: nói và viết theo hướng dẫn và yêu cầu cụ thể. Mặt khác, trong khi thực hiện nội dung giảng dạy với học sinh trường chuyên cần chú ý bồi dưỡng cho học sinh phong cách học tập chủ động theo hướng tự đào tạo: sử dụng tích cực và thành thạo từ điển, tận dụng tối đa sách công cụ và sách tham khảo có được.

1. Cấu trúc nội dung giảng dạy:

1.1. *Nội dung giảng dạy nâng cao (140 tiết)*

Nội dung giảng dạy nâng cao được quy định trong chương trình nâng cao môn Tiếng Trung Quốc, lớp 10, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và thể hiện trong SGK tiếng Trung Quốc 10 nâng cao (Nxb Giáo dục - 2006).

A. Trọng tâm kiến thức ngôn ngữ :

CHỦ ĐỀ BÀI HỌC	TRỌNG TÂM KIẾN THỨC NGÔN NGỮ
<ul style="list-style-type: none"> – Sinh hoạt trường, lớp – Văn hoá – Thể thao – Lao động, việc làm – Vệ sinh, môi trường – Công nghệ thông tin – Danh nhân – Tình bạn – Sinh hoạt xã hội – Giao lưu văn hoá – Động thực vật – Hoạt động ngoại khóa – Sinh nhật – Tham quan, du lịch 	<p>Cách dùng của một số từ ngữ và cấu trúc :</p> <p>1. Từ ngữ :</p> <p>给、还是 、就是、陆续、一直、竟、忍不住、由、进行、 经过、终于、只是、为了、是为了、随着、引起、善于、 相当、受、一连、往往、一般、历来、逐步、早已、确实、不如、成</p> <p>Từ đồng nghĩa, gần nghĩa :</p> <p>发挥 – 发扬、自豪 – 骄傲、关于 – 对于、交流 – 交换、表扬 – 赞扬</p> <p>2. Cấu trúc :</p> <p>不管 (无论) …… 都 (也 / 总) ……、 由于 …… 所以 ……、因为 …… 所以 ……、 哪怕 …… 都 ……、 对 …… 表示 ……、 以 …… 为 ……、 …… 的同时、 [动] + 来 + [动] + 去</p>

B. Chuẩn kiến thức và kỹ năng :

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT
<ul style="list-style-type: none"> - Sinh hoạt trường, lớp - Văn hoá - Thể thao - Lao động, việc làm - Vệ sinh, môi trường - Danh nhân - Tình bạn - Sinh hoạt xã hội - Giao lưu văn hóa - Động thực vật - Hoạt động ngoại khoá - Sinh nhật - Tham quan, du lịch 	<p>A. Kiến thức</p> <p>I. Từ vựng – ngữ pháp</p> <p>Trong các bài học cũng như các bài ôn tập cần phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nắm vững từ loại của các từ, chức năng ngữ pháp của từ trong cụm từ hoặc câu cùng vị trí cú pháp, đặc điểm phong cách của chúng, liên hệ với các từ liên quan hoặc từ gần nghĩa (nếu có). 2. Nhớ được cấu trúc của các cụm từ cố định, tính chất từ loại, chức năng và cách dùng đã học. 3. Vận dụng được các kiểu câu mới trong giao tiếp với cấu trúc khác nhau. <p>II. Loại hình chức năng lời nói</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nắm được nội dung cơ bản của các chủ đề. – Vận dụng kiến thức từ vựng – ngữ pháp vào hoạt động lời nói và hoạt động giao tiếp (tạo ra được những câu đúng, phù hợp với hoàn cảnh lời nói và giao tiếp) – Nắm được chiến lược giao tiếp khi trao đổi thông tin về các chủ đề được học. <p>B. Kỹ năng</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT
	<p data-bbox="831 293 938 325">I. Nghe</p> <ol data-bbox="734 373 2029 748" style="list-style-type: none"> <li data-bbox="831 373 1637 405">1. Nghe và nắm được các từ then chốt trong một đoạn văn. <li data-bbox="734 453 2029 525">2. Có thể thu thập thông tin từ các tài liệu nghe, bài nói chuyện đơn giản hoặc từ các cuộc thảo luận. <li data-bbox="734 564 2029 644">3. Có thể nghe hiểu câu chuyện hoặc bài viết dài 12 – 15 câu với tốc độ bình thường, có lượng từ mới không quá 2%. <li data-bbox="734 676 2029 748">4. Nghe hiểu một số lời cầu khiến thông thường và thực hiện theo nội dung cầu khiến đó. <p data-bbox="831 796 927 828">II. Nói</p> <ol data-bbox="734 876 2029 1251" style="list-style-type: none"> <li data-bbox="734 876 2029 948">1. Có thể truyền đạt thông tin và nêu ý kiến, quan điểm của mình về chủ đề quen thuộc thông qua các phương thức nhắc lại, nêu ví dụ, giải thích. <li data-bbox="734 987 2029 1059">2. Mô tả kinh nghiệm cá nhân và biểu đạt được kiến giải và tưởng tượng của cá nhân về chủ đề quen thuộc. <li data-bbox="734 1099 2029 1171">3. Có thể sử dụng phương thức biểu đạt thích hợp để bày tỏ thái độ và ý muốn trong các trường hợp xác định. <li data-bbox="831 1211 1906 1243">4. Có thể biểu đạt ý định của mình bằng ngữ điệu, ngữ khí và tiết tấu phù hợp.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT
	<p>III. Đọc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đọc hiểu nội dung của tài liệu có khoảng 3% từ mới nhờ vào ngữ cảnh. 2. Có thể suy luận và dự đoán được sự phát triển của tình tiết câu chuyện. 3. Thu lượm thông tin, nội dung chủ yếu từ các loại tài liệu có liên quan đến các chủ đề đã học thông qua các kênh thông tin khác nhau. <p>IV. Viết</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có thể sử dụng các cách thức thích hợp để viết tin nhắn và thư từ cá nhân. 2. Có thể miêu tả nhân vật, sự kiện và biểu đạt được ý kiến của mình dưới dạng bài viết có độ dài 15 – 20 câu. 3. Có thể viết thư cho bạn bè để trao đổi thông tin, giao lưu tình cảm về vấn đề cùng quan tâm.

1.2. *Nội dung chuyên sâu* (70 tiết) :

a. Danh mục chuyên đề :

(1) Văn hoá nghệ thuật Trung Quốc

中国文艺

(2) Bàn về tiếng Trung Quốc

谈汉语

(3) Tập tục của Trung Quốc

中国的习俗

(4) Kiến trúc của Bắc Kinh	北京的建筑
(5) Phong vị Trung Quốc	中国风味
(6) Giáo dục Trung Quốc	中国教育
(7) Dân tộc thiểu số Trung Quốc	中国少数民族
(8) Lễ tết truyền thống dân gian Trung Quốc	中国民间传统节日
(9) Danh nhân y dược học cổ đại nổi tiếng của Trung Quốc	中国古代著名的医药学家
(10) Danh nhân văn hoá cổ đại của Trung Quốc - Khổng Tử	中国古代文化名人-孔子

b. Nội dung chuyên đề và mức độ cần đạt :

CHUYÊN ĐỀ I: Văn hoá nghệ thuật Trung Quốc 中国文艺

Số tiết: 07

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Bài đọc: Chữ Hán và tranh vẽ Trung Quốc 汉字和中国画儿	<u>Về kiến thức:</u> Hiểu thêm về mối quan hệ độc đáo giữa nghệ thuật thư pháp và hội hoạ Trung Quốc, hiểu rõ hơn về nguồn gốc của chữ Hán tượng hình thuở sơ khai là kiểu chữ mô tả hình dạng sự vật, rất gần với nghệ thuật hội hoạ.	Giới thiệu về mối tương quan giữa thư pháp và hội hoạ Trung Quốc, nét đặc thù mang tính dân tộc của văn tự và hội hoạ Trung Quốc.
2	Luyện tập: Thực hiện các bài tập rèn luyện kĩ năng: - Viết đúng và đẹp từ mới của bài. - Tập hội thoại trôi chảy nội dung bài học. - Biểu đạt sở thích của mình với thư pháp và hội hoạ Trung Quốc. - Bài tập trắc nghiệm đọc hiểu và ngữ pháp cơ bản.	<u>Về kỹ năng:</u> + Giải thích được một cách đơn giản mối liên quan giữa chữ Hán và các hình vẽ của tranh. Giới thiệu sơ bộ được cách thức và công cụ thể hiện (giấy, mực, bút,... và cách sử dụng chúng) cơ bản giống nhau khi viết chữ Hán và vẽ tranh + Diễn đạt trôi chảy, đúng ngữ pháp các nội dung chính nêu trên bằng tiếng Trung Quốc.	
3	Tự trắc nghiệm: Kiểm tra đánh giá kết quả bằng cách tự nêu câu hỏi theo nội dung bài đọc chính và trả lời: Thư pháp và hội hoạ Trung Quốc có quan hệ với nhau như thế nào? Dụng cụ và cách thức thể hiện khi viết chữ Hán và vẽ tranh có gì giống nhau? Tranh thuỷ mặc là gì, thường vẽ những gì?	<u>Về thái độ:</u> Có hứng thú học tập và tìm hiểu để viết được chữ Hán đẹp và chính xác, biết thưởng thức, cảm thụ được nghệ thuật thư pháp và hội hoạ của Trung Quốc.	

CHUYÊN ĐỀ 2: Bàn về tiếng Trung Quốc 谈汉语
Số tiết: 07

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Bài đọc: Tiếng địa phương và tiếng phổ thông 方言和普通话	<u>Về kiến thức:</u> Hiểu rõ đặc điểm ngôn ngữ giao tiếp phong phú, đa dạng ở Trung Quốc. Bước đầu nhận thức được sự khác biệt giữa tiếng địa phương và tiếng phổ thông.	Giới thiệu một đặc điểm về ngôn ngữ của Trung Quốc là bên cạnh ngôn ngữ thông dụng toàn quốc là tiếng Trung Quốc phổ thông còn có nhiều tiếng địa phương với sự khác biệt khá lớn ở nhiều vùng miền khác nhau trên cả nước.
2	Luyện tập: Thực hiện các bài tập rèn kỹ năng cơ bản: - Bài tập luyện phát âm theo chuẩn mực ngữ âm tiếng phổ thông - Bài tập hội thoại và đọc thoại để biểu đạt nội dung bài học. - Bài tập trắc nghiệm đọc hiểu và ngữ pháp cơ bản.	<u>Về kỹ năng:</u> + Giải thích được vì sao có hiện tượng đến vùng nào đó của Trung Quốc có thể không hiểu được tiếng nói của người dân địa phương. Lấy ví dụ tiếng Thượng Hải để chứng minh sự khác biệt giữa tiếng địa phương với tiếng phổ thông. + Biểu đạt lưu loát các nội dung bài học bằng tiếng phổ thông chuẩn mực và chính xác.	
3	Tự trắc nghiệm: Kiểm tra đánh giá kết quả bằng cách tự nêu câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc và trả lời: Tiếng phổ thông là gì? Tiếng địa phương là gì? Ở Trung Quốc vì sao có hiện tượng các vùng miền nghe không hiểu tiếng nói của nhau.	<u>Về thái độ:</u> Có ý thức tìm hiểu sự phong phú đa dạng của ngôn ngữ ở Trung Quốc, tăng cường khả năng giao tiếp (nghe và nói) với người bản ngữ.	

CHUYÊN ĐỀ 3 **Tập tục của Trung Quốc 中国的习俗**
Số tiết: 07

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Bài đọc: Tôi tuổi khỉ 我属猴	<u>Về kiến thức:</u> Hiểu rõ được tập tục tính tuổi theo 12 con giáp trong đời sống tinh thần của nhân dân Trung Quốc. Nắm được thứ tự và sự khác biệt giữa 12 con giáp của Trung Quốc với Việt Nam cũng như cách tính tuổi theo phong tục của Trung Quốc và Việt Nam.	Giới thiệu một tập tục văn hoá (tương tự với Việt Nam) của người Trung Quốc: tính năm, tính thời gian và tính tuổi con người theo vòng tuần hoàn 12 năm với 12 con giáp
2	Luyện tập: Thực hiện các bài tập rèn luyện kỹ năng: - Bài tập luyện phát âm và luyện nói về tên gọi của 12 con giáp của Trung Quốc và Việt Nam. - Biểu đạt cách tính tuổi và tính năm theo 12 con giáp. - Viết đúng tên gọi của các con vật trong 12 con giáp của Trung Quốc và Việt Nam. - Bài tập trắc nghiệm đọc hiểu và ngữ pháp cơ bản.	<u>Về kỹ năng:</u> + Biểu đạt được bằng tiếng Trung Quốc chính xác tên gọi và đúng thứ tự 12 con giáp của Trung Quốc, liên hệ và vận dụng biểu đạt 12 con giáp của Việt Nam (nêu được nội dung khác biệt về con vật tiêu biểu trong 12 con giáp của hai nước). + Diễn đạt trôi chảy, đúng ngữ pháp nội dung tính tuổi, tính năm theo bài học.	
3	Tự trắc nghiệm: Kiểm tra đánh giá kết quả bằng cách tự nêu câu hỏi theo nội dung bài đọc và tự trả lời: Thế nào là con giáp ? 12 con giáp của Trung Quốc và Việt Nam theo thứ tự là những con gì? 12 con giáp của Trung Quốc và Việt Nam có gì khác nhau?	<u>Về thái độ:</u> Có hứng thú tìm hiểu để mở rộng hiểu biết về một nét tương đồng trong đời sống tinh thần của người Trung Quốc và Việt Nam: quan niệm về tuổi của người và con giáp tiêu biểu, thói quen đặt tên người theo quan hệ với năm sinh.	

CHUYÊN ĐỀ 4 Kiến trúc của Bắc kinh 北京的建筑
Số tiết: 07

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Bài đọc: Thiên An Môn 天安门	<u>Về kiến thức:</u> Hiểu rõ về vị trí địa lí, ý nghĩa, tầm vóc lịch sử và kiến trúc độc đáo, bền vững, mang đậm bản sắc dân tộc của Thiên An Môn với thành lâu uy nghiêm tráng lệ - công trình kiến trúc nổi tiếng với bề dày lịch sử hơn 500 năm của Bắc Kinh.	Giới thiệu sơ bộ về lịch sử và cấu tạo kiến trúc của Thiên An Môn với thành lâu nổi tiếng – công trình kiến trúc đặc sắc đồng thời là di tích lịch sử nổi tiếng của Bắc Kinh Trung Quốc.
2	Luyện tập: Thực hiện các bài tập rèn luyện kĩ năng: - Phát âm chuẩn xác từ mới, địa danh và tên gọi của các công trình kiến trúc nêu trong bài học. - Biểu đạt các nội dung liên quan đến Thiên An Môn. - Nêu cảm nhận của bản thân về Thiên An Môn.	<u>Về kỹ năng:</u> + Giới thiệu được bằng tiếng Trung Quốc một cách đơn giản công trình kiến trúc nổi tiếng của Bắc Kinh - Thiên An môn với các nội dung liên quan nêu trong bài học: lịch sử ra đời, ý nghĩa chính trị, đặc điểm cấu tạo kiến trúc... và một số công trình kiến trúc đáng chú ý khác xung quanh Thiên An môn. + Làm được các bài tập trắc nghiệm đọc hiểu và ngữ pháp cơ bản.	
3	Tự trắc nghiệm: Kiểm tra đánh giá kết quả bằng cách tự nêu câu hỏi liên quan đến nội dung bài học và tự trả lời: Thiên An môn ở đâu? Có bề dày và ý nghĩa lịch sử như thế nào? Thiên An môn có vật thể kiến trúc gì nổi bật? Đặc điểm cấu tạo (bên trong và bên ngoài) của công trình đó ra sao?	<u>Về thái độ:</u> Tăng thêm hứng thú học tập để hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước Trung Quốc với những di tích lịch sử và công trình kiến trúc đặc sắc nổi tiếng.	

CHUYÊN ĐỀ 5 **Phong vị Trung Quốc** **中国风味**
Số tiết: 07

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Bài đọc: Bánh chẻo 饺子	<u>Về kiến thức:</u> Hiểu rõ về một món ăn truyền thống trong ngày Tết cổ truyền của người miền Bắc Trung Quốc - bánh chẻo: ý nghĩa của truyền thuyết dân gian về món ăn này, đặc trưng hương vị, cách và kĩ thuật chế biến.	Giới thiệu một món ăn truyền thống lâu đời của người miền Bắc Trung Quốc - bánh chẻo cùng với truyền thuyết dân gian của món ăn này.
2	Luyện tập: Thực hiện các bài tập rèn luyện kĩ năng: - Ghi nhớ, viết và phát âm chính xác từ mới. - Hội thoại về nội dung truyền thuyết bánh chẻo. - Tập kể cách thức và yêu cầu chế biến bánh chẻo, hương vị độc đáo của nó . - Bài tập trắc nghiệm đọc hiểu và ngữ pháp cơ bản.	<u>Về kĩ năng:</u> + Giới thiệu được bằng tiếng Trung Quốc món bánh chẻo - món ăn truyền thống trong ngày lễ tết xưa và trong bữa ăn thường ngày hiện nay của người miền Bắc Trung Quốc. + Phát âm chính xác, diễn đạt lưu loát, trôi chảy và sinh động các nội dung liên quan trong bài học, đồng thời biết liên hệ với bánh chung của Việt Nam.	
3	Tự trắc nghiệm: Kiểm tra đánh giá kết quả bằng cách tự nêu câu hỏi theo nội dung bài đọc và tự trả lời: Bánh chẻo là món ăn truyền thống của vùng miền nào ở Trung Quốc? Truyền thuyết dân gian về bánh chẻo được kể lại như thế nào? Làm món ăn này dùng đến những thứ gì? Cần chú ý gì khi làm bánh chẻo... ? Cảm nhận bản thân khi được nghe giới thiệu hoặc được thưởng thức món ăn này.	<u>Về thái độ:</u> Quan tâm tìm hiểu về hương vị món ăn truyền thống trong ngày lễ tết của Trung Quốc, làm phong phú hơn vốn hiểu biết về văn hoá ẩm thực của Trung Quốc.	

CHUYÊN ĐỀ 6 Giáo dục Trung Quốc 中国教育
Số tiết: 07

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Bài đọc: Tôi chỉ biết về đại thể 我只知道个大概	<u>Về kiến thức:</u> Có hiểu biết cơ bản về tình hình giáo dục và đào tạo của Trung Quốc: quy định về tuổi bắt đầu đi học, các cấp học và giáo dục phổ cập 9 năm, các loại hình trường học; một số thành tựu chính của giáo dục Trung Quốc ...	Giới thiệu sơ bộ về tình hình giáo dục Trung Quốc, từ bậc học phổ thông đến đại học, việc hướng nghiệp cho học sinh nếu không vào được đại học, một vài loại hình trường đặc biệt như :
2	Luyện tập: Thực hiện các bài tập rèn luyện kỹ năng: - Phát âm chính xác và ghi nhớ cả ý nghĩa lẫn cách viết từ mới của bài. - Tập biểu đạt nội dung liên quan đến tình hình giáo dục và các cấp học của Trung Quốc. - Bài tập trắc nghiệm đọc hiểu và ngữ pháp cơ bản.	<u>Về kỹ năng:</u> + Biểu đạt được bằng tiếng Trung Quốc nội dung chủ yếu của bài học; giới thiệu khái quát về hệ thống giáo dục Trung Quốc : các cấp học và một số loại hình trường dành cho các đối tượng đặc biệt. + Diễn đạt lưu loát, chính xác các nội dung nêu trên. Biết liên hệ với nội dung tương tự về giáo dục của Việt Nam.	trường dành cho học sinh khuyết tật hoặc trường giáo dục trẻ em hư...
3	Tự trắc nghiệm: Kiểm tra đánh giá kết quả bằng cách tự nêu câu hỏi về nội dung bài học và tự trả lời : Hệ thống giáo dục Trung Quốc gồm mấy cấp học ? Số năm học của giáo dục phổ cập Trung Quốc là bao nhiêu năm, gồm cấp học nào ? Gần đây, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu giáo dục nào ? ...	<u>Về thái độ:</u> Có ý thức tìm hiểu để tăng thêm hiểu biết về tình hình giáo dục Trung Quốc, nước láng giềng có điều kiện lịch sử, văn hoá và xã hội tương đối gần gũi với Việt Nam, đồng thời rèn luyện nâng cao năng lực giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc của bản thân.	

CHUYÊN ĐỀ 7**Dân tộc thiểu số Trung Quốc****中国少数民族**

Số tiết: 07

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Bài đọc: Lễ hội té nước của dân tộc Thái. 傣族泼水节	<u>Về kiến thức:</u> Hiểu biết về một lễ hội truyền thống hàng năm của dân tộc Thái (Trung Quốc) vào dịp từ 13 đến 15 tháng 4 âm lịch: lễ hội té nước cầu phúc. Biết thêm một truyền thuyết dân gian liên quan đến ý nghĩa của lễ hội này.	Giới thiệu truyền thuyết về lễ hội té nước, một kiểu lễ hội truyền thống của dân tộc Thái (một dân tộc thiểu số chủ yếu sống ở Vân Nam, Trung Quốc), biểu thị ước nguyện cầu cho mọi việc may mắn tốt lành.
2	Luyện tập: Thực hiện các bài tập rèn luyện kỹ năng: - Phát âm chính xác và ghi nhớ từ mới của bài. - Tập hội thoại và đọc thoại biểu đạt nội dung liên quan đến lễ hội té nước của dân tộc Thái (Trung Quốc) và truyền thuyết dân gian của nó.	<u>Về kỹ năng:</u> + Dùng lời của mình giới thiệu bằng tiếng Trung Quốc lễ hội té nước của dân tộc Thái (Trung Quốc): truyền thuyết dân gian và ý nghĩa văn hóa tinh thần của lễ hội này. + Biểu đạt chính xác, trôi chảy các nội dung liên quan của bài học nêu trên, đồng thời biết liên hệ với một lễ hội tương tự ở Việt Nam.	
3	Tự trắc nghiệm: Kiểm tra đánh giá bằng cách tự nêu câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc và tự trả lời: Lễ hội té nước của dân tộc nào ở Trung Quốc? Truyền thuyết dân gian kể về lễ hội này như thế nào? Việc té nước trong ngày hội này có ý nghĩa tinh thần gì?	<u>Về thái độ:</u> Có ý thức tìm hiểu để nâng cao hiểu biết về văn hoá của dân tộc bản ngữ, hiểu được và biết tôn trọng những nét đẹp độc đáo trong văn hoá của các dân tộc thiểu số, yếu tố quan trọng để hội tụ nên nền văn hoá phong phú của một đất nước.	

CHUYÊN ĐỀ 8 **Lễ tết truyền thống dân gian Trung Quốc 中国民间传统节日**
Số tiết: 07

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Bài đọc: Truyền thuyết về "Tết" “年”的传说	<u>Về kiến thức:</u> Hiểu rõ phong tục đón Tết cổ truyền của người Trung Quốc. Nắm được ý nghĩa văn hoá dân gian của tập tục dán câu đối đỏ, đốt lửa và đốt pháo trong ngày xuân ở Trung Quốc.	Giới thiệu một truyền thuyết dân gian với ý nghĩa văn hóa về ngày Tết dân tộc cổ truyền của người Trung Quốc.
2	Luyện tập: Thực hiện các bài tập thực hành rèn luyện kỹ năng: - Phát âm chính xác, viết và nhớ đúng nghĩa của từ mới trong bài. - Tập hội thoại và hội thoại biểu đạt nội dung liên quan đến truyền thuyết và tập tục đón Tết cổ truyền của Trung Quốc. - Làm các bài tập trắc nghiệm thực hành đọc hiểu và ngữ pháp cơ bản.	<u>Về kỹ năng:</u> + Kể được bằng lời của mình truyền thuyết về cái gọi là "Tết (年)" xưa kia ở Trung Quốc; vì sao người Trung Quốc hình thành các tập tục nêu trong bài học. + Biểu đạt chính xác và sinh động nội dung truyền thuyết về "Tết (年)". Liên hệ với tập tục đón Tết cổ truyền của Việt Nam.	
3	Tự trắc nghiệm: Kiểm tra đánh giá kết quả bằng cách tự nêu câu hỏi và tự trả lời: Tết cổ truyền của Trung Quốc vào thời gian nào? Vì sao đón Tết được gọi là “过年” ? “年” xưa kia là gì? Vì sao Tết đến người Trung quốc lại phải đốt lửa, đốt pháo và dán câu đối đỏ? Ngày Tết cổ truyền của Trung Quốc có gì giống với Tết cổ truyền của Việt Nam?	<u>Về thái độ:</u> Có ý thức học tập để tăng cường vốn hiểu biết về văn hoá và lễ tết truyền thống của Trung Quốc, biết tôn trọng phong tục tập quán của các dân tộc trên thế giới.	

CHUYÊN ĐỀ 9 Danh nhân y dược học cổ đại nổi tiếng của Trung Quốc 中国古代著名的医药学家

Số tiết: 07

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Bài đọc: Lý Thời Trân và "Bản thảo cương mục" 李时珍和《本草纲目》	<u>Về kiến thức:</u> Biết về một danh nhân y học và dược học nổi tiếng thời nhà Minh (Trung Quốc) - Lý Thời Trân. Hiểu biết về cống hiến to lớn nhất của Lý Thời Trân cho Trung Quốc và cho nhân loại là bộ sách "Bản thảo cương mục"- tác phẩm kinh điển tổng kết toàn bộ tri thức của 2000 năm về y dược học cổ đại Trung Quốc.	Giới thiệu về một thầy thuốc đồng thời là nhà dược học nổi tiếng của Trung Quốc ở thế kỉ 16, thời nhà Minh : Lý Thời Trân và bộ sách nổi tiếng của ông về dược học và thực vật học - một cống hiến lớn cho nền y học Trung Quốc nói riêng và của nhân loại nói chung.
2	Luyện tập: Thực hiện các bài tập rèn luyện kỹ năng: - Phát âm, viết và ghi nhớ chính xác từ mới của bài. - Biểu đạt bằng lời của mình (đọc thoại và hội thoại) nội dung giới thiệu về Lý Thời Trân và cống hiến của ông về y dược học qua bộ sách nổi tiếng "Bản thảo cương mục". - Làm các bài tập trắc nghiệm thực hành đọc hiểu và ngữ pháp cơ bản.	<u>Về kỹ năng:</u> + Giới thiệu đơn giản bằng tiếng Trung Quốc thân thể và sự nghiệp của Lý Thời Trân. Giới thiệu sơ bộ về nội dung cơ bản, tác dụng và ảnh hưởng của bộ "Bản thảo cương mục" - cẩm nang y dược học cổ truyền, những cống hiến cho nhân dân Trung Quốc và cho nhân loại của Lý Thời Trân. + Biểu đạt chính xác và trôi chảy nội dung nêu trên, đồng thời biết liên hệ với một danh nhân y dược học cổ truyền nổi tiếng của Việt Nam.	
3	Tự trắc nghiệm: Kiểm tra đánh kết quả bằng cách tự nêu câu hỏi theo nội dung bài đọc và tự trả lời: Lý Thời Trân là danh nhân Trung Quốc về lĩnh vực nào ? Xuất thân của ông ra sao ?	<u>Về thái độ:</u> Có hứng thú học tập để hiểu biết về thân thể và sự nghiệp của các danh nhân của nhân loại nói chung và của Trung Quốc nói riêng. Biết trân trọng những cống hiến và có ý thức học tập ý chí, nghị lực làm việc của họ.	

	Thái độ nghề nghiệp của ông thế nào? Vì sao Lý Thời Trân bỏ công nghiên cứu và biên soạn bộ sách "Bản thảo cương mục"? Ảnh hưởng và tác dụng của bộ sách trong và ngoài Trung Quốc như thế nào?		
--	---	--	--

CHUYÊN ĐỀ 10 : Danh nhân văn hoá cổ đại của Trung Quốc - Khổng Tử 中国古代的文化名人- 孔子
Số tiết: 07

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Bài đọc: Cuộc đời của Khổng Tử 孔子的一生	<u>Về kiến thức:</u> Hiểu biết về tên tuổi, thân thế và cuộc đời hoạt động cùng những ảnh hưởng, cống hiến quan trọng của Khổng Tử cho nền tư tưởng xã hội, chính trị, văn hoá và giáo dục của Trung Quốc và của loài người.	Giới thiệu vài nét chính về thân thế, tư tưởng và cuộc đời hoạt động xã hội của Khổng Tử, danh nhân vĩ đại của Trung Quốc cổ đại - nhà tư tưởng, nhà giáo dục, người sáng lập ra trường phái Nho gia Trung Quốc.
2	Luyện tập: Thực hiện các bài tập rèn luyện kỹ năng: - Tập viết, nói và ghi nhớ từ mới của bài học. - Tập biểu đạt bằng lời của mình các nội dung liên quan đến thân thế và cuộc đời của Khổng Tử (dưới hình thức độc thoại và hội thoại).	<u>Về kỹ năng:</u> + Giới thiệu được bằng tiếng Trung Quốc thân thế, cuộc đời và hoạt động xã hội chính của Khổng Tử lúc sinh thời. Sự đánh giá và tôn vinh của hậu thế đối với Khổng Tử. + Biểu đạt trôi chảy và chính xác các nội dung trên.	

	- Làm các bài tập thực hành trắc nghiệm đọc hiểu và ngữ pháp cơ bản.		
3	<p>Tự trắc nghiệm:</p> <p>Kiểm tra đánh giá kết quả bằng cách tự nêu câu hỏi theo nội dung bài đọc và tự trả lời:</p> <p>Khổng Tử là danh nhân Trung Quốc vào thời nào? Xuất thân gia đình như thế nào? Thái độ của Khổng Tử đối với cuộc sống ra sao? Tư tưởng chính của Khổng Tử là gì? Hậu thế đánh giá Khổng Tử thế nào... ?</p>	<p><u>Về thái độ:</u></p> <p>Có ý thức học tập và tiếp thu những tư tưởng nhân ái, tiến bộ của Khổng Tử, tu dưỡng và rèn luyện bản thân để trở thành con người hoàn thiện và có ích cho xã hội.</p>	

IV. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

4.1. Kế hoạch dạy học

- Thời lượng dạy nội dung nâng cao : 140 tiết, mỗi tuần học 4 tiết.
- Thời lượng dạy nội dung chuyên sâu : 70 tiết, mỗi tuần học 2 tiết

Khi thực hiện nội dung dạy học nâng cao và chuyên sâu nêu trên, có thể điều chỉnh, sắp xếp thời gian, thời lượng cho phù hợp với tình hình thực tiễn vùng miền và địa phương, nhưng phải bảo đảm cung cấp được những nội dung kiến thức nâng cao và chuyên sâu, từ đó phát hiện và bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu tham gia vào các cuộc thi học sinh giỏi.

4.2. Nội dung giảng dạy

- Trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần bám sát nội dung, yêu cầu cần đạt của 10 chuyên đề nêu trên và các chủ đề bài học, trọng tâm kiến thức ngôn ngữ và mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình và SGK Tiếng Trung Quốc 10 nâng cao.

- Để thực hiện phân hóa trong dạy học, giáo viên cần tham khảo, lựa chọn nội dung trong tài liệu chủ đề tự chọn nâng cao dành cho giáo viên và học sinh lớp 10 để tổ chức nội dung bài giảng sao cho sát với từng đối tượng học sinh lớp 10 THPT chuyên.

- Ngoài các nội dung quy định nêu trên, giáo viên có thể và nên tham khảo thêm một số giáo trình và sách chuyên khảo về tiếng Trung Quốc do Trung Quốc và Việt Nam xuất bản để chọn lọc, bổ sung nội dung giảng dạy chuyên sâu phù hợp với thực tiễn địa phương và kịp thời cập nhật với xu hướng bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Để bồi dưỡng, chuẩn bị đội ngũ học sinh tham dự các kỳ thi học sinh giỏi toàn quốc và tuyển chọn được học sinh thực sự có năng khiếu tham gia đội tuyển dự thi quốc tế và các kỳ thi giao lưu “Nhịp cầu Hán ngữ”, giáo viên cần giảng dạy đủ các nội dung trong SGK Tiếng Trung Quốc 10 nâng cao và khuyến khích đối tượng học sinh này chọn học toàn bộ các chủ đề trong “Tài liệu chủ đề tự chọn nâng cao Tiếng Trung Quốc 10”. Khi sử dụng tài liệu này, học sinh cần nắm vững mục tiêu của từng chủ đề, làm hết các loại hình bài tập nhằm nắm vững kiến thức ngôn ngữ, văn hóa và rèn luyện kỹ năng thực hành, nâng cao năng lực tự học, sử dụng tiếng Trung Quốc như một phương tiện giao tiếp, tạo cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu trong tương lai. Ngoài ra, giáo viên cũng có thể tham khảo, sử dụng các Tài liệu hướng dẫn luyện thi HSK (Luyện tập tổng hợp và luyện tập theo từng kỹ năng giao tiếp) để làm phong phú thêm nội dung giảng dạy.

4.3. Về phương pháp và phương tiện dạy học

4.3.1. Định hướng chung về phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học Chương trình nâng cao về cơ bản tuân theo những nguyên tắc dạy học theo quan điểm giao tiếp, phát huy tính thân sáng tạo của học sinh như đã nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông. Kiến thức nâng cao được giới thiệu trong các loại hình bài tập lời nói, bài tập giao tiếp, giúp học sinh ôn tập, tổng kết kiến thức, nâng cao năng lực thực hành.

Giáo viên cần lựa chọn những phương pháp, thủ pháp dạy học phù hợp, thông qua chữa bài tập so sánh kiến thức, nhấn mạnh điểm khó, tổng kết kiến thức, biết định hướng cách tự học, tìm tòi, nghiên cứu, tích lũy kiến thức cho học sinh THPT chuyên.

4.3.2. Phương pháp giảng luyện từng phần bài học trong sách giáo khoa nâng cao

- Nắm vững toàn bộ định hướng dạy học thể hiện qua các phần: trọng tâm bài học, từ mới, bài khoá, trọng điểm ngôn ngữ, ghi nhớ, bài tập của các bài học cũng như các phần: trọng điểm ngôn ngữ, kỹ năng ngôn ngữ của các bài ôn tập trong SGK Tiếng Trung Quốc 10 nâng cao. Trong quá trình dạy học, việc cung cấp cho học sinh kiến thức từ vựng, ngữ pháp luôn gắn với rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng lời nói, kỹ năng giao tiếp thông qua phương pháp, thủ thuật, kỹ xảo giảng dạy thích hợp.

- Các loại hình bài tập nâng cao và những gợi ý về phương pháp

*** Bài tập nghe – nói**

- Nghe và làm bài tập
- Nói theo chủ đề/ tình huống
- Hoàn thành đối thoại
- Chuyển dạng độc thoại thành đối thoại
- Đặt câu hỏi lần lượt cho từ ngữ gạch chân.

Giáo viên căn cứ vào các bài tập cụ thể, vận dụng những phương pháp và thủ pháp dạy kỹ năng nghe – nói (khẩu ngữ) khi chữa các bài tập, lưu ý các kiến thức nâng cao được thể hiện trong các bài tập.

*** Bài tập đọc – viết**

- Mô phỏng đặt câu/ viết đoạn văn
- Viết lại câu, chuyển dạng câu
- Sắp xếp từ ngữ thành đoạn văn
- Viết đoạn văn theo chủ đề/ tình huống

Giáo viên căn cứ vào bài tập cụ thể, vận dụng những phương pháp và thủ pháp dạy kỹ năng đọc – viết (bút ngữ) khi chữa các bài tập, lưu ý các kiến thức nâng cao được thể hiện trong các bài tập.

* SGK Tiếng Trung Quốc 10 nâng cao đòi hỏi học sinh nắm chắc những từ ngữ (từ, cụm từ cố định), các kiểu câu thường dùng đã học thuộc chủ đề cụ thể, biết tổng kết, hệ thống hoá kiến thức ngữ pháp đã học được qui định trong Chương trình THPT nâng cao môn tiếng Trung Quốc dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

4.3.3. Phương tiện giảng dạy tối thiểu :

Trong quá trình dạy học, ngoài tài liệu giáo khoa (SGK, SGV, đĩa CD Tiếng Trung Quốc 10) do Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép ban hành, sử dụng, cần tích cực, chủ động khai thác, sử dụng băng/ đĩa ghi âm, ghi hình có nội dung gần gũi với bài học và tổ chức cho học sinh tập nghe các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng Trung Quốc cũng như tận dụng cơ hội giao tiếp với người Trung Quốc (ở những tỉnh, thành phố có điều kiện thuận lợi).

4.4. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Việc kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững kiến thức và hình thành kỹ năng nâng cao phải dựa vào chuẩn kiến thức và kỹ năng qui định trong Chương trình THPT nâng cao môn tiếng Trung Quốc. Để làm tốt việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, giáo viên cần đặc biệt chú ý:

4.1. Quan hệ giữa nội dung kiến thức, kỹ năng của SGK Tiếng Trung Quốc 10 (đại trà) và SGK Tiếng Trung Quốc 10 nâng cao; Sự khác biệt về yêu cầu và mức độ cần đạt về chuẩn kiến thức và kỹ năng cần được thể hiện trong các hình thức kiểm tra, đánh giá (trắc nghiệm khách quan và tự luận).

4.2. Đề kiểm tra, đánh giá vừa chuyển tải được nội dung kiến thức, kỹ năng cơ bản đã nêu, vừa thể hiện được mức độ nâng cao của SGK Tiếng Trung Quốc 10 nâng cao. Mục đích chính là tăng cường năng lực nghe, nói, đọc, viết. Các hình thức kiểm tra, đánh giá phải bao gồm tất cả các loại hình bài tập nâng cao đã nêu ở phần trên.

4.3. Phân tích kết quả của việc kiểm tra, đánh giá theo Chương trình và SGK Tiếng Trung Quốc 10 nâng cao cần chú ý tới những học sinh đạt được kết quả cao, phát hiện được học sinh có năng khiếu, bồi dưỡng thi học sinh giỏi, bồi dưỡng chuyên sâu, giúp các em tiếp tục học tiếng Trung Quốc ở trình độ cao hơn.